

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 29 / 2019/ DSST

Ngày 10 tháng 7 năm 2019

(V/v: T/ c hợp đồng
vay tài sản và tiền phường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Kiên
 - *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Miện, ông Nguyễn Xuân Trường.
 - *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà , tỉnh Bắc giang.
 - *Đại diện VKSND H. Hiệp H tham gia phiên tòa:* Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.
- Ngày 09 và 10 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 66/ 2018/TLST-DS ngày 30/7/ 2018; về việc: Tranh chấp đòi tiền.
- Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 / 2019/ QĐDS-ST ngày 29/ 3/ 2019:
- Nguyên đơn: Ông Xiêm Minh CH- SN 1965(Có mặt)
- Nơi cư trú : Thôn Trung H, M Trung, huyện hiệp H, tỉnh Bắc Giang
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông CH: Luật sư Triệu Hạnh H1-VPLS Triệu H1, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến TR- SN1982 (Có mặt)
- Nơi cư trú: Thôn Trung H, xã M Trung, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị CH – SN 1966 (Vắng mặt)
- Nơi cư trú : Thôn Trung H, xã M Trung, huyện hiệp H, tỉnh Bắc Giang.
- Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn H2- SN 1958, bà Nguyễn Thị S- SN 1959
- Cùng nơi cư trú: Thôn Trung H, xã M Trung, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/ Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, bản luận cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Xiêm Minh CH và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông CH là Luật sư Triệu Hạnh H1 TR bày : Tháng 2/ 2014 âm lịch , vợ ông CH là bà Ngô Thị CH làm thuê cho anh Nguyễn Tiến TR, nơi cư trú thôn Trung Hưng, xã M Trung nên anh TR nhờ bà CH sang nhà ông Nguyễn Văn H2 cùng thôn lấy hộ 300.000.000 đồng để trả lương công nhân; do vậy bà CH đã sang nhà ông H2 cầm hộ anh TR số tiền trên và ký nhận vào sổ nhận tiền của ông H2, sau đó bà CH cầm 300.000.000 đồng trên giao cho anh TR nhưng không có giấy tờ tài liệu gì, chỉ có một số công nhân nghe thấy anh TR nói như vậy. Ngày 09/ 7/ 2014 anh TR tiếp tục nhờ bà CH sang vay ông H2 30.000.000 đồng, do vậy bà CH đã sang nhà ông H2 vay ông H2 30.000.000 đồng cho anh TR , khi giao tiền

cho anh TR cũng không có giấy tờ gì. Sau đó bà CH đã phải trả hộ anh TR 70.000.000 đồng cho ông H2. Đầu năm 2015, anh TR nhờ vợ chồng ông CH chơi phường hộ khi nào được lấy tiền thì cho anh TR vay; do vậy, ngày 06/ 01/ 2015âm lịch (Ngày 24/ 2/ 2015 dương lịch) ông CH lấy được tiền phường nên cho anh TR vay 100.000.000 đồng, ngày 06/ 3/

2015, ông CH lấy tiền phường nên cho anh TR vay tiếp 204.000.000 đồng; khi vay viết biên nhận tiền , tuy nhiên để làm chứng cứ nên ghi là anh TR chơi phường với ông CH anh TR ký nhận, thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Vợ chồng ông CH đã đòi nhiều lần nhưng anh TR không trả được đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Nay ông CH yêu cầu anh TR trả vợ chồng ông CH tiền gốc và lãi là 1.041.318.750 đồng (Trong đó tiền gốc là 704.000.000 đồng). Tại phiên tòa, ông CHyêu cầu anh TR trả 704.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 1%/ tháng như trong giấy nhận tiền đã thỏa thuận, thời hạn trả lại là 52 tháng. Số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH.

2/ Bị đơn là anh Nguyễn Tiến TR tại bản tự khai và tại phiên tòa TR bày : Anh TR không nhờ bà Ngô Thị CH vay ông H2 330.000.000 đồng để trả lương công nhân; không nhờ bà CH trả ông H2 70.000.000 đồng như ông CH TR bày. Việc vợ chồng ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH yêu cầu anh TR trả 400.000.000 đồng trên là không có căn cứ, không có giấy tờ gì do vậy anh TR không đồng ý.

Về số tiền 304.000.000 đồng ghi nhận tại các giấy ngày 06/ 1/ 2015 và ngày 16/ 01/ 2015 âm lịch là anh TR nhờ vợ chồng ông CH chơi phường hộ với anh Vịnh, anh Kiên ở Trung H, M Trung. Anh TR đã lấy tiền tổng cộng 304.000.000 đồng từ ông CH, sau đó viết 02 giấy nhận tiền và ký nhận như trên nhưng hàng tháng vẫn nhờ bà Nguyễn Thị S là mẹ anh TR đóng 2 suất phường tổng cộng 18.000.000 đồng / tháng cho bà CH đầy đủ ; do vậy anh TR không đồng ý trả vợ chồng ông CH, bà CH 304.000.000 đồng như yêu cầu. Số tiền 304.000.000 đồng đã nhận từ vợ chồng ông CH là tiền riêng của anh TR, vợ anh TR là chị Bích không được sử dụng.

3/ Người làm chứng : Ông Nguyễn Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 26/ 12/ 2018 và ngày 31/ 01/ 2019 TR bày : Ông H2 không cho anh TR vay tiền mà cho bà CH vay tổng cộng 330.000.000 đồng ngày 30/ 6/ 2014 và ngày 09/ 7/ 2014 nhưng bà CH đã trả đầy đủ, ngoài ra không cho vay khoản nào khác; ông H2 cũng không nhìn thấy bà Chât vay tiền cho anh TR.

- Bà Nguyễn Thị S tại biên bản đối CH ngày 21/ 6/ 2019 và tại phiên tòa TR bày: Năm 2014, bà S có chơi 02 dây phường với vợ chồng ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH; hàng tháng bà S vẫn đóng cho bà Ngô Thị CH tổng cộng 18.000.000 đồng tiền phường; tuy nhiên số tiền trên là tiền gia đình bà S chơi phường với vợ chồng ông CH, không liên quan tới việc anh TR viết giấy nhận 304.000.000 đồng tiền các ngày 06/ 1/2015 và ngày 16/ 01/ 2015 âm lịch trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy : Tòa án xét xử vắng mặt bà CH, luật sư H1 đã được triệu tập lần thứ 2, đồng thời luật sư H1 đã

gửi luận cứ TR bày cho Tòa án là đúng quy định tại khoản 1, điều 227 và khoản 1, điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự.

2/Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Xiêm Minh CH yêu cầu anh TR trả 400.000.000 đồng(Trong đó anh TR nhờ bà CH vay hộ 330.000.000 đồng và trả hộ anh TR 70.000.000 đồng , Hội đồng xét xử nhận định: Do vợ chồng ông CH không có chứng cứ,giấy tờ gì về việc trên, đồng thời anh TR không đồng ý trả số tiền trên, ông H2 TR bày không cho anh TR vay, không thấy anh TR nhờ bà CH trả nợ hộ nên không có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu của vợ chồng ông CH yêu cầu anh TR trả 304.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định : Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 06/ 1/ 2015 và ngày 16/ 01/ 2015 thể hiện anh TR nhận tiền tổng cộng 304.000.000 đồng của ông Xiêm Minh CH, thỏa thuận lãi suất là 1%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, lý do nhận tiền là anh TR chơi phường với ông Xiêm Minh CH, do vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp tiền phường ;ông CH TR bày đã đòi nhiều lần nhưng anh TR không trả được đồng nào ; anh TR cũng thừa nhận như trên nhưng TR bày số tiền 304.000.000 đồng trên là nhận tiền phường từ ông CH, sau đó hàng tháng anh TR nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị S đóng tiền phường cho bà CH đầy đủ nhưng không có tài liệu gì chứng minh, bà Nguyễn Thị S cũng thừa nhận việc bà S đóng tiền phường hàng tháng cho vợ chồng ông CH không liên quan tới khoản tiền 304.000.000 đồng trên; do vậy tại phiên tòa ông CH yêu cầu anh TR trả 304.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ cần chấp nhận .Về yêu cầu lãi suất của ông CH là 1 %/ tháng như trong giấy biên nhận, Hội đồng xét xử nhận định: Do đương sự thực hiện hợp đồng vay tiền ngày 24/ 2/ 2015 nên lãi suất được áp dụng theo khoản 2, điều 476- Bộ luật dân sự năm 2005 ,do vậy cần chấp nhận.Về thời hạn trả lãi từ ngày 24/ 2/ 2015 đến ngày xét xử là 52 tháng 25 ngày, do vậy yêu cầu tính thời hạn trả lãi là 52 tháng của ông CH cần chấp nhận.

Như vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu của ông Xiêm Minh CH: Buộc anh Nguyễn Tiến TR phải có nghĩa vụ trả ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH 304.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 304.000.000 đồng x 52 tháng x 1 % = 158.080.000đồng, tổng cộng gốc và lãi = 462.080.000 đồng

3/ Về án phí: Anh TR phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.104.000 đồng; do ông CH là con liệt sỹ nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về lãi suất chậm thi hành án : Do đương sự không thỏa thuận được nên cần áp dụng khoản 2, điều 468- Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

5 / Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng , việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 471; 476; 477- Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468- Bộ luật dân sự 2015; điều 147; điều 227, điều 228, điều 271,điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 -Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Tiến TR có nghĩa vụ trả vợ chồng ông CH, bà CH 304.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 158.080.000đồng, tổng cộng gốc và lãi = 462.080.000 đồng .

Về án phí: Anh TR chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng các điều 281, điều 471, điều 474, khoản 2, điều 476, điều 477- Bộ luật dân sự 2005; điều 688, điều 471 - Bộ luật dân sự 2015; điều 147, khoản 1, điều 227, khoản 1, điều 228, các điều 271 và 273- Bộ luật tố tụng dân sự, điều 12, điều 26- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án :

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn Tiến TR phải có nghĩa vụ trả vợ chồng ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH 304.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất là 158.080.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi = 462.080.000 đồng (Bốn trăm S mươi hai triệu tám mươi nghìn đồng).

3/ Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với vợ chồng ông Xiêm Minh CH , bà Ngô Thị CH . Anh Nguyễn Tiến TR phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.104.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất là 10 % / năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND T, BG
- VKSNDH. Hiệp H
- THADSH. Hiệp H,
- Đương sự,
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên